

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07) thuộc kế hoạch Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-CTCP397 ngày 21/01/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07) thuộc kế hoạch Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026”.

Công ty cổ phần 397 thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên với những nội dung sau:

1. Thông tin về gói thầu

- Thông báo mời thầu: Thông báo số 76/TB-CTCP397 ngày 08/01/2026 của Công ty cổ phần 397 “Về việc mời thầu Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07) thuộc kế hoạch Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026”.

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07).

- Giá gói thầu: **5.222.808.800 đồng.**

Bằng chữ: (Năm tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu, tám trăm linh tám nghìn, tám trăm đồng) (Đã bao gồm thuế VAT).

- Tên chủ đầu tư: Công ty cổ phần 397

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 343 ngày.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

2. Thông tin nhà thầu được đề nghị trúng thầu và hợp đồng được trao.

- Tên nhà thầu trúng thầu: **Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Tuệ Lâm.**

- Địa chỉ: Tô 5, khu Vĩnh Tuy I, p. Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

- Giá dự thầu: **4.860.222.500 đồng.**

(Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng) (đã bao gồm thuế VAT).

- Giá trị trúng thầu: **4.860.222.500 đồng.**

(Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng)

Giá trị trên đã bao gồm thuế VAT và các thuế, phí khác theo quy định.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 403 ngày.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần 397

- Lý do được chọn: Có giá dự thầu thấp nhất và đáp ứng tất cả các yêu cầu trong hồ sơ mời thầu.

3. Danh sách các nhà thầu không được lựa chọn và lý do không được lựa chọn của các nhà thầu:

- Công ty cổ phần cơ khí – xây dựng – thương mại Trường Lộc.

Lý do không được chọn: Đáp ứng tất cả các yêu cầu của hồ sơ mời thầu tuy nhiên có giá chào thầu cao thứ hai trong số các nhà thầu tham gia chào giá.

- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phương Thùy.

Lý do không được chọn: Đáp ứng tất cả các yêu cầu của hồ sơ mời thầu tuy nhiên có giá chào thầu cao nhất trong số các nhà thầu tham gia chào giá.

4. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn:

- Thời gian ký kết hợp đồng: Ngày 23/01/2026.

- Địa điểm ký kết hợp đồng: Văn Phòng Công ty cổ phần 397, Khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

Trên đây là thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư hàng hoá, sắt thép các loại phục vụ sản xuất năm 2026 (GT07).

Công ty cổ phần 397 thông báo đến các nhà thầu tham dự đấu thầu được biết và mời nhà thầu trúng thầu đến Công ty cổ phần 397 để ký kết hợp đồng theo đúng kế hoạch./.

Nơi nhận :

- Các nhà thầu;
- Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT.C03.



Kiều Văn Sinh

Phụ lục

THÔNG BÁO QLCNT GÓI THẦU: MUA VẬT TƯ HÀNG HÓA, SẮT THÉP CÁC LOẠI PHỤC VỤ SẢN XUẤT NĂM 2026 (GT07)

(Kèm theo Thông báo số 193./TB-CTCP397 ngày 21/01/2026 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

TT	Tên hàng hóa/ quy cách hàng hóa	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền (đồng)	Năm sản xuất	Bảo hành
I	VẬT TƯ THUẾ VAT 10%							
1	Cửa đi nhôm kính	Việt Nam	m ²	30	2.520.000	75.600.000	2025-2026	6 tháng
2	Cửa sổ nhôm kính	Việt Nam	m ²	30	2.520.000	75.600.000	2025-2026	6 tháng
3	Vách nhôm kính	Việt Nam	m ²	40	2.520.000	100.800.000	2025-2026	6 tháng
4	Dây thép buộc 2 ly	Việt Nam	Kg	300	35.000	10.500.000	2025-2026	6 tháng
5	Dây thép buộc 3 ly	Việt Nam	Kg	400	35.000	14.000.000	2025-2026	6 tháng
6	Dây thép buộc 4 ly	Việt Nam	Kg	400	35.000	14.000.000	2025-2026	6 tháng
7	Dây thép gai sợi 3 ly	Việt Nam	Kg	1000	35.000	35.000.000	2025-2026	6 tháng
8	Lưới B40 sợi 4 ly	Việt Nam	Kg	2000	35.000	70.000.000	2025-2026	6 tháng
9	Thép tròn Φ 6	Việt Nam	Kg	500	18.000	9.000.000	2025-2026	6 tháng
10	Thép tròn Φ 8	Việt Nam	Kg	1000	18.000	18.000.000	2025-2026	6 tháng
11	Thép cây 10	Việt Nam	Kg	650	18.000	11.700.000	2025-2026	6 tháng
12	Thép cây 12	Việt Nam	Kg	1000	18.000	18.000.000	2025-2026	6 tháng
13	Thép cây 14	Việt Nam	Kg	1000	18.000	18.000.000	2025-2026	6 tháng
14	Thép cây 16	Việt Nam	Kg	1000	18.000	18.000.000	2025-2026	6 tháng
15	Thép cây 18	Việt Nam	Kg	1000	18.000	18.000.000	2025-2026	6 tháng
16	Thép cây 20	Việt Nam	Kg	1000	18.000	18.000.000	2025-2026	6 tháng
17	Thép cây 22	Việt Nam	Kg	2000	18.000	36.000.000	2025-2026	6 tháng
18	Thép góc L30	Việt Nam	Kg	1500	26.500	39.750.000	2025-2026	6 tháng
19	Thép góc L40	Việt Nam	Kg	1500	26.500	39.750.000	2025-2026	6 tháng
20	Thép góc L50	Việt Nam	Kg	2500	26.500	66.250.000	2025-2026	6 tháng
21	Thép góc L63	Việt Nam	Kg	2000	26.500	53.000.000	2025-2026	6 tháng
22	Thép góc L70	Việt Nam	Kg	4500	26.500	119.250.000	2025-2026	6 tháng
23	Thép hình U100	Việt Nam	Kg	2500	26.500	66.250.000	2025-2026	6 tháng
24	Thép hình U120	Việt Nam	Kg	2500	26.500	66.250.000	2025-2026	6 tháng
25	Thép hình U150	Việt Nam	Kg	3000	26.500	79.500.000	2025-2026	6 tháng
26	Thép hình U200	Việt Nam	Kg	3000	26.500	79.500.000	2025-2026	6 tháng
27	Thép hộp đen	Việt Nam	Kg	2000	26.500	53.000.000	2025-2026	6 tháng
28	Thép hộp mạ kẽm	Việt Nam	Kg	3000	27.250	81.750.000	2025-2026	6 tháng
29	Thép ống mạ kẽm	Việt Nam	Kg	2500	27.250	68.125.000	2025-2026	6 tháng
30	Thép tấm mạ kẽm	Trung Quốc	Kg	3000	27.250	81.750.000	2025-2026	6 tháng
31	Thép tấm 3 ly	Trung Quốc	Kg	1500	24.500	36.750.000	2025-2026	6 tháng
32	Thép tấm 4 ly	Trung Quốc	Kg	1500	24.500	36.750.000	2025-2026	6 tháng
33	Thép tấm 5 ly	Trung Quốc	Kg	3000	24.500	73.500.000	2025-2026	6 tháng
34	Thép tấm 6 ly	Trung Quốc	Kg	3000	24.500	73.500.000	2025-2026	6 tháng
35	Thép tấm 8 ly	Trung Quốc	Kg	4000	24.500	98.000.000	2025-2026	6 tháng
36	Thép tấm 10 ly	Trung Quốc	Kg	5000	24.500	122.500.000	2025-2026	6 tháng
37	Thép tấm chống trượt 2 ly	Trung Quốc	Kg	1000	27.250	27.250.000	2025-2026	6 tháng
38	Thép tấm chống trượt 3 ly	Trung Quốc	Kg	1000	27.250	27.250.000	2025-2026	6 tháng
39	Thép tấm chống trượt 4 ly	Trung Quốc	Kg	2000	27.250	54.500.000	2025-2026	6 tháng
40	Thép tấm chống trượt 5 ly	Trung Quốc	Kg	2500	27.250	68.125.000	2025-2026	6 tháng
41	Thép tấm Q355 8 ly	Trung Quốc	Kg	3000	27.250	81.750.000	2025-2026	6 tháng
42	Thép tấm Q355B 10 ly	Trung Quốc	Kg	3500	27.250	95.375.000	2025-2026	6 tháng
43	Thép tấm Q355B 12 ly	Trung Quốc	Kg	10000	27.250	272.500.000	2025-2026	6 tháng
44	Thép tấm Q355B 16 ly	Trung Quốc	Kg	20000	27.250	545.000.000	2025-2026	6 tháng
45	Thép tấm Q355B 20 ly	Trung Quốc	Kg	5000	27.250	136.250.000	2025-2026	6 tháng
46	Thép tấm Q355B 30 ly	Trung Quốc	Kg	5000	27.250	136.250.000	2025-2026	6 tháng
47	Thép tròn D50x6000-C45	Việt Nam	Kg	3000	25.400	76.200.000	2025-2026	6 tháng
48	Thép vuông	Việt Nam	Kg	2000	25.000	50.000.000	2025-2026	6 tháng
49	Tôn 1 lớp 6 sóng	Việt Nam	m ²	700	155.000	108.500.000	2025-2026	6 tháng

50	TONMAT 1 lớp 11 sóng	Việt Nam	m ²	800	140.000	112.000.000	2025-2026	6 tháng
51	Nóc 400	Việt Nam	Md	300	95.000	28.500.000	2025-2026	6 tháng
52	Nóc 600	Việt Nam	Md	300	105.000	31.500.000	2025-2026	6 tháng
53	Tôn xốp cách nhiệt	Việt Nam	m ²	800	173.500	138.800.000	2025-2026	6 tháng
54	Tấm Ilox 1,5 ly	Việt Nam	Kg	500	126.000	63.000.000	2025-2026	6 tháng
55	Tấm Ilox 2 ly	Việt Nam	Kg	500	126.000	63.000.000	2025-2026	6 tháng
56	Tấm Ilox 2,5 ly	Việt Nam	Kg	1000	126.000	126.000.000	2025-2026	6 tháng
57	Tấm Ilox 3 ly	Việt Nam	Kg	1500	126.000	189.000.000	2025-2026	6 tháng
58	Que hàn (que hàn thường từ 2-4 ly)	Việt Nam	Kg	200	32.000	6.400.000	2025-2026	1 tháng
Thành Tiền						4.332.475.000		
Thuế GTGT 10%						433.247.500		
A	Tổng tiền					4.765.722.500		
TT	Tên hàng hóa/ quy cách hàng hóa	Xuất xứ	Đvt	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền (đồng)	Năm sản xuất	Bảo hành
II	VẬT TƯ THUẾ VAT 8%							
1	Tấm nhựa lấy sáng	Việt Nam	M2	350	130.000	45.500.000	2025-2026	6 tháng
2	Xi măng	Việt Nam	Tấn	10	1.700.000	17.000.000	2025-2026	1 tháng
3	Vít bắn tôn	Việt Nam	Kg	250	100.000	25.000.000	2025-2026	1 tháng
Thành Tiền						87.500.000		
Thuế GTGT 8%						7.000.000		
B	Tổng tiền					94.500.000		
Tổng tiền A+B						4.860.222.500		

Bảng chữ: Bốn tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng./.